

Số: 4551/KH-UBND

Phú Thọ, ngày 11 tháng 10 năm 2016

## **KẾ HOẠCH**

### **Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020**

Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;

Căn cứ các Quyết định: số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai; số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Căn cứ các Kế hoạch: số 186/KH-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ về ứng phó với sự cố vỡ hồ, đập đến năm 2020, tỉnh Phú Thọ; số 5399/KH-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ về ứng phó với sự cố vỡ đê; bão, áp thấp, lũ, lũ lụt, lũ quét, lũ ống, sạt lở đất đá đến năm 2020 của UBND tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, nhằm chủ động trong công tác phòng chống thiên tai, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Phú Thọ xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2016 - 2020, nội dung cụ thể như sau:

## **PHẦN I MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để ứng phó kịp thời đối với các loại hình thiên tai, giảm thiểu đến mức thấp nhất những thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Khắc phục khẩn trương và hiệu quả sau thiên tai;

- Xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức cá nhân thuộc địa bàn tỉnh trong hoạt động phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội trong việc chủ động phòng tránh, ứng phó, khắc phục khẩn trương có hiệu quả các tình huống thiên tai;

- Quán triệt thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ);

- Nâng cao năng lực của các cấp, các ngành trong việc xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai có hiệu quả;

- Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Nhằm tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn các biện pháp, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai, ảnh hưởng của thiên tai đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trên địa bàn tỉnh;

- Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai của toàn dân trên địa bàn tỉnh.

## **PHẦN II**

### **TÌNH HÌNH THIÊN TAI, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

#### **A. Đặc điểm điều kiện tự nhiên, dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng**

##### **1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên**

Phú Thọ là tỉnh trung du miền núi, phía Bắc giáp các tỉnh Yên Bái, Tuyên Quang; phía Nam giáp tỉnh Hoà Bình; phía Đông giáp tỉnh Vĩnh Phúc và thành phố Hà Nội; phía Tây giáp tỉnh Sơn La. Diện tích tự nhiên của tỉnh là 353.456,09 ha, trong đó: diện tích đất nông nghiệp 297.404,94 ha, đất phi nông nghiệp 53.385,71 ha và đất chưa sử dụng 2.665,44 ha. Tỉnh có 13 đơn vị hành chính (11 huyện, 01 thành phố và 01 thị xã) và 277 xã, phường, thị trấn.

Địa hình tỉnh Phú Thọ bao gồm vùng núi cao phía Tây và Nam của tỉnh; vùng gò, đồi thấp bị chia cắt nhiều, xen kẽ là đồng ruộng và dải đồng bằng ven sông Hồng, hữu sông Lô.

Phú Thọ nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm khoảng 23<sup>0</sup>C, lượng mưa trung bình trong năm khoảng 1.600 mm - 1.800 mm. Độ ẩm trung bình tương đối lớn, khoảng trên 80%.

Hệ thống sông ngòi có 3 sông lớn chảy qua là sông Đà, sông Lô, sông Thao. Trong đó: Sông Đà có chiều dài 43,5 km, diện tích lưu vực 367,4 km<sup>2</sup>; các ngòi chính đổ ra sông Đà gồm ngòi Lạt, ngòi Cái, suối Ròng; Sông Thao có chiều dài 109,5 km, diện tích lưu vực 2.639,3 km<sup>2</sup>; các sông nhỏ, ngòi chính đổ vào sông Thao gồm ngòi Vân, ngòi Mỹ, ngòi Lao, ngòi Giành, ngòi Me, ngòi Cỏ, Sông Bứa, ngòi Mạn Lạn; sông Lô có chiều dài 73,5 km, diện tích lưu vực 502,8 km<sup>2</sup>; các sông nhỏ, ngòi chính đổ vào sông Lô gồm sông Cháy, ngòi Rượu, ngòi Dầu, ngòi Tiên Du, ngòi Tranh.

# TỈNH PHÚ THỌ



TỶ LỆ 1 : 450 000

(Bản đồ hành chính tỉnh Phú Thọ)

## **2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội**

- Về dân số: Tỉnh Phú Thọ có khoảng 1.370.625 người, mật độ dân số khoảng 388 người/km<sup>2</sup>, trong đó nam chiếm là 49,32%, nữ chiếm là 50,68%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,27%. Toàn tỉnh có 21 dân tộc sinh sống, trong đó người kinh chiếm đa số, còn lại là các dân tộc: Mường, Dao, Sán chày, Cao Lan, Mông.... Số hộ nghèo trên địa bàn tỉnh là 46.574/386.755 hộ chiếm 12,04%, hộ cận nghèo 32.848/386.755 hộ, chiếm 8,5%;

- Về kinh tế: Thành phần cơ cấu kinh tế đã có sự dịch chuyển: Công nghiệp và xây dựng chiếm 38%; nông, lâm, nghiệp thủy sản chiếm 24,9% và dịch vụ chiếm 37,1%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm (2010 - 2015) đạt 5,87%, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 7,25%, nông lâm nghiệp thủy sản tăng 5,09%, dịch vụ tăng 4,93%; GDP bình quân đầu người đạt 29,5 triệu đồng; kim ngạch xuất khẩu đạt 844 triệu USD, với tốc độ tăng bình quân 19,9%/năm; tổng vốn đầu tư toàn xã hội 69,09 nghìn tỷ đồng; tốc độ tăng thu ngân sách Nhà nước đạt 16%/năm;

- Về văn hóa - xã hội: Lực lượng lao động khoảng 854,1 nghìn người, trong đó số người mất khả năng lao động là 7,8 nghìn người; số người trong tuổi lao động ở nhà làm nội trợ và chưa có việc làm là 40,8 nghìn người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo và truyền nghề đạt 55%. Cơ cấu lao động trong các ngành: nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 57,2%; công nghiệp và xây dựng chiếm 21,9%; dịch vụ chiếm 20,9%.

Thành phần kinh tế đã có sự dịch chuyển theo hướng phát triển công nghiệp và dịch vụ, kéo theo sự phát triển của xã hội: Tỷ lệ đô thị hóa đạt 19,7% ; đường giao thông nông thôn được kiên cố hóa đạt 56,5%; hộ gia đình được hưởng nước hợp vệ sinh đạt 93%; số thuê bao internet đạt tỉ lệ 17,7 thuê bao/100 dân; thu gom, xử lý rác thải ở đô thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 50,6%; tỷ lệ che phủ rừng đạt 39,3%.

## **3. Về cơ sở hạ tầng của tỉnh**

- Về Y tế: Toàn tỉnh có trên 200 cơ sở khám chữa bệnh và 277 trạm y tế xã, phường với tổng số 5.424 giường bệnh, trên 1.264 bác sĩ và bác sĩ chuyên khoa cấp I trở lên;

- Về trường học: Toàn tỉnh hiện có 313 nhà trẻ, trường mầm non, mẫu giáo, bao gồm 2.984 phòng học; 304 trường tiểu học với 4.682 phòng học, trong đó có 3.920 phòng học kiên cố; 259 trường Trung học cơ sở với 3.361 phòng học, trong đó có 3.152 phòng học kiên cố; 45 trường Trung học phổ thông với 1.200 phòng học, trong đó có 1.138 phòng học kiên cố; 26 trung tâm bồi túc văn hóa và 10 trường Cao đẳng, 2 trường đại học;

- Nhà ở, khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: Tỉnh Phú Thọ có 1

thành phố, 1 thị xã và 12 thị trấn, tỉ lệ đô thị hóa ở các vùng ngày càng được gia tăng; kéo theo là sự phát triển của các khu, cụm công nghiệp;

- Hệ thống công trình giao thông

+ Giao thông đường sắt: Trên địa bàn tỉnh có một tuyến đường sắt thuộc mạng đường sắt quốc gia Hà Nội - Lào Cai đi qua thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các huyện: Lâm Thao, Thanh Ba, Hạ Hòa. Ngoài ra, có 03 tuyến nhánh phục vụ cho các khu công nghiệp, nhà máy với tổng chiều dài 89,5 km, rất thuận tiện cho việc lưu thông hàng hóa và hành khách trong, cũng như ngoài tỉnh;

+ Giao thông đường bộ: Toàn tỉnh có các tuyến đường quốc lộ chạy qua bao gồm: quốc lộ 2, 32, 32B, 32C, 70, 70B. Các tuyến tỉnh lộ và huyện lộ cũng thường xuyên được duy tu, cải tạo, nâng cấp. Đảm bảo nhu cầu đi lại và phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, đồng thời cũng phục vụ đắc lực cho công tác phòng, chống thiên tai;

+ Giao thông thủy: Tỉnh Phú Thọ có hệ thống 3 sông lớn là sông Đà, Lô, Hồng. Cùng các sông và ngòi nhỏ như sông Bứa, sông Chảy, ngòi Me, ngòi Giành, ngòi Rượu... rất thuận lợi cho việc phát triển giao thông thủy.

- Hệ thống công trình thủy lợi

+ Hệ thống đê điều hiện có: 508,7 km đê các loại, trong đó đê cấp I đến cấp V có 21 tuyến tổng chiều dài 421,5 km; 23 tuyến đê bao ngăn lũ nội đồng, tổng chiều dài 54,8 km; 11 tuyến đê bồi, tổng chiều dài 32,4 km. Có 456 cống dưới đê, trong đó 377 cống dưới đê chính và 79 cống dưới đê bao, đê bồi. Có 84 tuyến kè (hộ chân, lát mái) tổng chiều dài 103,05 km và 01 hệ thống kè mở hàn Lê Tính; có 32 điểm canh đê phục vụ công tác phòng chống lụt bão;

+ Các tuyến đê kết hợp giao thông: Nhiều đoạn đường thuộc quốc lộ, đường tỉnh được xây dựng kết hợp với đê như: Tuyến đê tả sông Thao có quốc lộ 32C, đường tỉnh 324, đường tỉnh 320; tuyến đê hữu sông Thao có quốc lộ 32, quốc lộ 32C, đường tỉnh 315; đê tả ngòi Lao kết hợp đường tỉnh 321; đê tả sông Bứa kết hợp đường tỉnh 313C; đê tả sông Đà từ kết hợp đường tỉnh 316, 317; đê hữu sông Lô kết hợp đường tỉnh 323; đê tả sông Chảy kết hợp đường tỉnh 322;

+ Hệ thống hồ đập: Toàn tỉnh có 1.341 hồ đập lớn nhỏ, trong đó có 420 hồ chứa gồm: 05 hồ dung tích từ 3 - 10 triệu m<sup>3</sup>, 20 hồ chứa có chiều cao đập từ 15 m trở lên, 09 hồ chứa có dung tích từ 1 triệu m<sup>3</sup> đến dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, 270 hồ có dung tích từ 50 nghìn m<sup>3</sup> đến dưới 1 triệu m<sup>3</sup>, các hồ còn lại có dung tích dưới 50 nghìn m<sup>3</sup>;

+ Trạm bơm: Toàn tỉnh có 260 trạm bơm tưới và tiêu kết hợp; trong đó 232 trạm bơm tưới, 15 trạm bơm tiêu và 13 trạm bơm tưới tiêu kết hợp.

- Hệ thống thông tin cảnh báo: Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn cơ bản phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh gồm:

+ Các trạm do Đài Khí tượng thủy văn khu vực Việt Bắc quản lý gồm: 04 trạm thủy văn (trạm Phú Thọ, Vụ Quang, Việt Trì, Thanh Sơn); 03 trạm khí tượng (Việt Trì, Minh Đài, Phú Hộ); 08 trạm đo lượng mưa (Xuân Đài, Cự Thắng, Phú Lộc, Ngọc Đồng, Hạ Hòa, Đoan Hùng, Yên Lập, Mỹ Lương);

+ Các trạm dùng riêng do tỉnh Phú Thọ quản lý, hợp đồng với Đài Khí tượng thủy văn khu vực Việt Bắc đo và cung số liệu trong mùa mưa lũ gồm: 03 trạm đo mực nước (trạm La Phù trên sông Đà, Âm Thượng trên sông Thao, An Đạo trên sông Lô) và 01 trạm đo lượng mưa tại La Phù huyện Thanh Thủy.

- Hệ thống thông tin liên lạc: Mạng lưới bưu chính - viễn thông với đủ các loại hình dịch vụ, hệ thống điện thoại cố định, hệ thống điện thoại di động của các mạng, hệ thống máy thông tin di động sóng ngắn, hệ thống thông tin chuyên dùng Inmarsat có thể đáp ứng nhanh chóng nhu cầu trao đổi thông tin, liên lạc. Đến nay, đã có 241 điểm bưu điện - văn hoá xã, 277 xã có máy điện thoại; trên 229.000 thuê bao Internet. Có 5 phòng truyền hình hội nghị đặt cố định tại các Trung tâm viễn thông huyện Cẩm Khê, Yên Lập, Thanh Sơn, Tân Sơn, Hạ Hòa, mỗi phòng được trang bị 01 thiết bị thông tin vệ tinh VSAT IP, mỗi thiết bị có khả năng cung cấp 4 đường điện thoại, 1 đường truyền hình hội nghị; 3 thiết bị Inmarsat (thiết bị di động vệ tinh) tại trung tâm điều hành thông tin Việt Trì;

- Điện lưới: Sử dụng điện lưới Quốc gia phục vụ người dân với 100% các xã, phường thị trấn có điện lưới sử dụng;

- Cấp nước: Hệ thống nước sạch và vệ sinh môi trường đang ngày càng được đầu tư rộng rãi đến tận từng thôn, bản. Đảm bảo cho người dân có được nguồn nước hợp vệ sinh, nhất là khi có thiên tai xảy ra.

## **B. Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hoạt động kinh tế - xã hội trong địa bàn tỉnh**

### **I. Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp trên địa bàn tỉnh**

#### **1. Các rủi ro thiên tai thường xảy ra trên địa bàn tỉnh**

Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, trong những năm qua tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh diễn biến khá phức tạp gây ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và sản xuất của nhân dân; các loại hình thiên tai đã xảy ra trên địa bàn tỉnh trong những năm gần đây, gồm: Ảnh hưởng của hoàn lưu bão và áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa đá, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, sương mù, động đất. Một số thiên tai cụ thể:

**a) Bão và áp thấp nhiệt đới:** Tỉnh Phú Thọ không bị ảnh hưởng trực tiếp của bão và áp thấp nhiệt đới, tuy nhiên thường xuyên bị ảnh hưởng hoàn lưu các đợt bão và áp thấp nhiệt đới, theo thống kê từ năm 2008 - 2015 trên địa bàn tỉnh bị ảnh hưởng hoàn lưu của 17 cơn bão và 04 áp thấp nhiệt đới. Thời gian xuất hiện thường vào mùa mưa bão, từ tháng 5 đến tháng 11.

**b) Lốc xoáy, sét, mưa đá, mưa lớn cục bộ:** Từ năm 2008 đến 2015 toàn tỉnh có 78 trận lốc xoáy, mưa đá, mưa lớn cục bộ gây thiệt hại và xuất hiện vào các thời điểm từ tháng 3 đến tháng 11 và xảy ra bất ngờ, trong thời gian ngắn nên rất khó phòng tránh.

**c) Rét hại:** Theo thống kê từ 2008 đến 2015 thì trong năm 2008 và 2011 rét đậm, rét hại gây ảnh hưởng lớn, cụ thể: Cuối năm 2007, đầu năm 2008 có 07 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến các vùng trong tỉnh; Rét đậm, rét hại nhiều ngày đã gây thiệt hại đối với sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và đời sống nhân dân. Đầu năm 2011, xuất hiện rét đậm, rét hại kéo dài nhất từ trước đến nay (từ đầu năm đến ngày 07/4).

**d) Lũ quét, sạt lở đất:** Từ năm 2008 đến 2015 toàn tỉnh có 15 trận lũ quét gây ảnh hưởng đến an toàn đê điều và thiệt hại đến người, tài sản của nhân dân; tình trạng sạt lở bờ, vỡ sông này sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, đặc biệt là trên các tuyến sông, ngòi. Hiện tượng sạt lở đồi núi, mái ta luy đường giao thông thường xuyên xảy ra khi vào mùa mưa lũ.

**đ) Lũ sông:** Từ năm 2008 đến 2015, có 24 đợt lũ trên các sông trong tỉnh; trong đó lũ cao nhất vào năm 2008, mực nước cao nhất trên sông Thao tại Âm Thượng: 27,34 m (xuất hiện ngày 10/8, trên mức lũ lịch sử 1971: 0,02 m); tại Phú Thọ: 19,14 m (xuất hiện ngày 11/8, trên báo động III: 0,24 m); sông Hồng tại Việt Trì: 15,33 m (xuất hiện ngày 11/8, trên báo động II: 0,48 m); sông Đà tại La Phù: 16,58 m (xuất hiện ngày 27/7, trên báo động I: 0,58 m); sông Lô tại Vụ Quang: 17,63 m (xuất hiện ngày 04/11 dưới báo động I: 0,91 m).

**e) Sụt, lún đất:** Năm 2011, địa bàn xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, đã xảy ra sụt, lún đất nghiêm trọng, ảnh hưởng đến 482 hộ dân, đã di dời khẩn cấp tái định cư cho 84 hộ; trong năm 2012 xuất hiện thêm 06 hố sụt gây ảnh hưởng đến 74 hộ dân, phải di dời khẩn cấp 04 hộ; năm 2013 tiếp tục xuất hiện thêm 03 đợt sụt lún với 05 hố sụt và phải sử dụng hàng nghìn mét khối đất để san lấp.

**g) Hạn hán:** Hạn hán thường xảy ra vào mùa kiệt khi mực nước các sông, các hồ chứa xuống thấp; theo thống kê cho thấy tháng 01 là tháng dễ xảy ra nguy cơ hạn hán nhất, vì đây là tháng giữa mùa khô và là thời kỳ nhu cầu nước cho tưới là lớn nhất trong năm. Đặc biệt, trong vụ Đông Xuân năm 2007 - 2008 hạn hán đã làm 7.812 ha lúa bị khô hạn; vụ đông xuân 2009 - 2010, hạn hán xảy ra gay gắt, diện tích đất lúa phải bỏ hoang là 115 ha, phải chuyển sang trồng màu là 1.705 ha, diện tích gieo cấy bị hạn hán đầu vụ là 7.674 ha.

**h) Sương mù:** Sương mù xảy ra thường xuyên vào các tháng từ cuối mùa thu đến cuối mùa xuân, nhiều và mạnh nhất vào các tháng mùa đông. Sương mù và mù đều là hiện tượng khí tượng nguy hiểm, đặc biệt đối với giao thông vận tải đường bộ, đường sông.

**i) Thiệt hại do thiên tai gây ra:** Thiên tai, lụt bão gây ra từ năm 2008 đến 2015 làm chết 41 người, bị thương 68 người; hư hỏng, trôi, đổ 4.019 ngôi nhà; hư hại 35.808 ha lúa và rau màu; sạt lở 81.146 m bờ, vỡ sông; đê cấp IV bị vỡ, sạt: 40.830 m; đường bị sạt lở 488.001 m<sup>3</sup>; hư hỏng 148 công trình thủy lợi, 108.980 m kênh mương và nhiều tài sản khác. Tổng giá trị thiệt hại ước tính 970,6 tỷ đồng.

## **2. Xác định cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Theo Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai. Các cấp độ rủi ro thiên tai ứng với từng loại hình thiên tai dự kiến có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh như sau:

- Bão, áp thấp nhiệt đới: Dự kiến cấp độ rủi ro thiên tai cấp độ 3 đến cấp độ 5;
- Lốc, sét, mưa đá: Dự kiến cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp độ 1 đến cấp độ 2;
- Mưa lớn: Dự kiến cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp độ 1 đến cấp độ 3;
- Nắng nóng: Dự kiến cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp độ 1 đến cấp độ 2;
- Hạn hán: Dự kiến cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp độ 1 đến cấp độ 3;
- Rét hại, sương muối: Dự kiến cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp độ 1 đến cấp độ 3;
- Sương mù: Dự kiến cấp độ rủi ro thiên tai cấp độ 1;
- Lũ quét: Dự kiến cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp độ 1 đến cấp độ 3;
- Lũ, ngập lụt: Dự kiến cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp 1 đến cấp độ 4;
- Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy: Dự kiến cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp độ 1 đến cấp độ 2;
- Động đất: Dự kiến cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp độ 1 đến cấp độ 2.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm rà soát, đánh giá, báo cáo UBND tỉnh ban hành về các cấp độ rủi ro thiên tai ứng với từng loại hình thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh.

## **II. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hoạt động kinh tế - xã hội trong địa bàn tỉnh**

Biểu hiện của biến đổi khí hậu được thể hiện qua nhiệt độ và lượng mưa,



trong 40 năm qua (1970 - 2010) nhiệt độ trung bình năm ở tỉnh Phú Thọ tăng khoảng 0,87°, lượng mưa trung bình năm trên toàn tỉnh có xu hướng giảm. Theo kịch bản biến đổi khí hậu ứng với kịch bản B2 tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2000 - 2019: Nhiệt độ trung bình năm tăng 0,5°C, lượng mưa năm tăng 1,2% và lượng mưa ngày lớn nhất trung bình năm tăng 9,7% so với thời kỳ 1980 - 1999.

Biến đổi khí hậu ở tỉnh Phú Thọ đã ảnh hưởng lớn đến cuộc sống, sinh kế của cộng đồng dân cư, đặc biệt trong các hoạt động kinh tế - xã hội. Theo thống kê từ năm 2008 đến 2015, diễn biến thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan trên địa bàn tỉnh có diễn biến phức tạp, nắng nóng, rét đậm, rét hại kéo dài không theo quy luật; có 17 cơn bão và 4 áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng đến tỉnh; 78 trận lốc xoáy, mưa đá, mưa lớn cục bộ; 24 đợt lũ trên các sông Hồng, Lô, Đà và nhiều trận lũ quét, sét đánh gây thiệt hại lớn về người, tài sản và các hoạt động kinh tế - xã hội, cụ thể:

- Ảnh hưởng về sản xuất nông nghiệp

+ Sản xuất lương thực bị thiệt hại có xu hướng ngày càng gia tăng: Thiên tai đã làm 35.808 ha lúa, hoa màu bị thiệt hại; 237 công trình thủy lợi bị hư hỏng; 108.977 kênh mương bị vỡ; nhiều cây cối công nghiệp, cây ăn quả bị đổ gãy và nhiều thiệt hại khác. Mặt khác, các đối tượng sâu bệnh hại luôn tiềm ẩn và có nguy cơ bùng phát trên diện rộng gây hại cho cây trồng;

+ Chăn nuôi gia súc, gia cầm: Do ảnh hưởng của thời tiết diễn biến phức tạp phát sinh nhiều dịch bệnh và rét đậm, rét hại đã gây thiệt hại rất lớn về chăn nuôi. Điển hình như vụ đông xuân 2007 - 2008 có 3.104 con gia súc bị chết; vụ đông xuân 2010 - 2011 có 2.283 con trâu, bò, 9.869 con gia cầm, 58 con lợn bị chết; vụ đông xuân 2012 - 2013 có 30 con trâu, bò bị chết;

+ Nông, lâm nghiệp: Do điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của tỉnh nên dự án trồng thử nghiệm cây cao su khi gặp thời tiết rét đậm, rét hại đã bị ảnh hưởng nặng (năm 2010, trồng thử nghiệm 110 ha cao su, rét đậm, rét hại làm chết và ảnh hưởng nặng 106 ha). Ngoài ra, một số cây trồng quen thuộc trên địa bàn tỉnh cũng bị ảnh hưởng khi thời tiết bất lợi làm giảm quá trình sinh trưởng, giảm chất lượng sản phẩm, dẫn đến giảm giá thành sản phẩm.

Các tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai đến lâm nghiệp chủ yếu là địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, trình độ dân trí chưa cao, cơ sở hạ tầng kém, nên mọi tác động xấu đối với lâm nghiệp sẽ ảnh hưởng lớn đến đời sống của đại đa số đồng bào dân tộc thiểu số...

Thiên tai, dịch bệnh dẫn đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp chưa cao, có nhiều rủi ro khiến một bộ phận nông dân chưa thiết tha với nông nghiệp. Đó cũng là tác động của biến đổi khí hậu tới sự phát triển của kinh tế - xã hội trên

địa bàn tỉnh.

- Ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản: Các hiện tượng thời tiết thiên tai bất thường như mưa lũ, hạn hán, nắng nóng ảnh hưởng rất lớn nuôi trồng thủy sản; bệnh và bệnh dịch trong nuôi trồng thủy sản phát triển; thời tiết cực đoan cũng làm ảnh hưởng đến duy trì và phát triển của nguồn lợi thủy sản;

- Ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng: Thiên tai, giông, lốc, mưa lũ đã gây sạt lở đất rừng, gãy đổ cây ảnh hưởng đến diện tích rừng; nền nhiệt tăng và khô hạn gia tăng hiện tượng cháy rừng dẫn đến nguy cơ tuyệt chủng của một số loài động thực vật; sâu bệnh cũng phát triển trên cây rừng gây nhiều thiệt hại;

- Ảnh hưởng đến giao thông vận tải, thủy lợi, xây dựng, năng lượng...: Theo thống kê từ 2008 đến 2015 thiên tai lũ, bão, giông lốc đã làm đổ, trôi và hư hỏng 11.416 ngôi nhà; hư hỏng 670 phòng học, trạm y tế; đổ 566 cột điện; 41.166 m đê bị vỡ và sạt lở; 215 cầu cống các loại bị hư hỏng và nhiều công trình hạ tầng khác bị hư hỏng làm thiệt hại rất lớn về kinh tế cũng như sản xuất công nghiệp, xây dựng, năng lượng và giao thông, thủy lợi. Tổng giá trị thiệt hại ước tính trên 970,5 tỷ đồng.

### **III. Đánh giá năng lực phòng, chống và ứng phó thiên tai**

#### **1. Nguồn nhân lực phục vụ công tác phòng, chống thiên tai**

- Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (PCTT và TKCN) các ngành, các cấp đều được thành lập và kiện toàn hàng năm theo đúng quy định của Luật Phòng, chống thiên tai;

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và các lực lượng quân đội đóng trên địa bàn tỉnh là lực lượng chủ yếu trong công tác PCTT và TKCN. Hàng năm, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức hiệp đồng với các đơn vị quân đội, Quân khu 2 đóng quân trên địa bàn;

- Lực lượng cứu nạn, cứu hộ của tỉnh bao gồm: Quân sự, Công an, Y tế, Đoàn thanh niên, lực lượng dân quân tự vệ... Công tác cứu nạn, cứu hộ luôn được phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng tìm kiếm cứu nạn các cấp;

- Các sở, ban, ngành và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng tổ, đội xung kích PCTT và TKCN, sẵn sàng tham gia công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc đơn vị mình và chi viện cho các địa phương;

- UBND các huyện, thành phố, thị xã huy động lực lượng trên địa bàn, với nòng cốt là lực lượng công an, quân đội, cán bộ các cơ quan và đoàn viên thanh niên; có kế hoạch yêu cầu các doanh nghiệp trên địa bàn chuẩn bị sẵn lương thực, thực phẩm thiết yếu để cung cấp khi cần thiết;

- Nguồn nhân lực phục vụ cho công tác phòng, chống thiên tai từ cấp tỉnh

đến cấp cơ sở mặc dù kiêm nhiệm nhưng thường xuyên được đào tạo. Ngoài ra, hàng năm tỉnh tổ chức các lớp tập huấn cho các bộ cấp xã và người dân tại các khu vực dễ bị tổn thương do thiên tai.

## **2. Năng lực cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai**

### **a) Công trình đê điều và thủy lợi**

- Hệ thống công trình đê điều: Trên địa bàn tỉnh cơ bản đã được cứng hóa, đảm bảo công tác phòng, chống lũ và các loại hình thiên tai khác. Tuy nhiên, còn một số đoạn đê cao trình còn thấp so với mực nước lũ thiết kế, như đoạn km1+500 - km19+00 đê tả sông Thao, thuộc huyện Hạ Hòa, đoạn km52+00 - km69+00 đê hữu sông Thao, thuộc huyện Tam Nông;

- Hệ thống hồ, đập: Bao gồm 1.341 hồ chứa, đập dâng lớn, nhỏ, trong đó có 420 hồ chứa. Phần lớn các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão; tuy nhiên, còn một số hồ bị hư hỏng, xuống cấp, cần quan tâm theo dõi, kiểm tra, sửa chữa, đề phòng sự cố khi xảy ra mưa lớn;

- Hệ thống trạm bơm: Toàn tỉnh hiện có 260 trạm bơm tưới và tưới tiêu kết hợp. Hiện tại, một số trạm bơm bị hư hỏng ống hút, nhà trạm xuống cấp, bộ bơm bị sạt lở và một số đoạn kênh dẫn bị hư hỏng..., nhưng mức độ hư hỏng của các trạm bơm là không lớn, không ảnh hưởng đến quá trình vận hành công trình trong mùa mưa lũ; tuy nhiên, để phục tốt công tác phòng chống thiên tai cần phải tăng cường kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên.

b) Công trình giao thông kết hợp phục vụ công tác phòng, chống thiên tai: Các công trình phục vụ giao thông trên địa bàn tỉnh bao gồm: quốc lộ 2, quốc lộ 32, 32C, cao tốc Nội Bài - Lào Cai...; các tuyến đường tỉnh lộ, tuyến đường liên huyện, liên xã; các tuyến đường tránh lũ và hệ thống các cầu lớn qua sông Thao, sông Lô, sông Đà.

Các tuyến đường của tỉnh cơ bản đã được nâng cấp, tuy nhiên vẫn còn một số tuyến mặt đường nhỏ, hư hỏng, xuống cấp... ảnh hưởng đến việc lưu thông, an toàn của phương tiện, trên một số sông ngòi nhỏ chưa có cầu nên đã gây cản trở lớn cho công tác di dời nhân dân trong trường hợp cần phải di dời và cứu hộ cứu nạn khi có thiên tai, đặc biệt là ở những khu vực vùng núi đi lại khó khăn.

c) Công trình tránh, trú lũ, bão và ngập lụt: Trụ sở các cơ quan Nhà nước, trường học, các cơ sở văn hóa, tôn giáo...có thể kết hợp làm nơi tránh trú, sơ tán dân với tổng sức chứa ước tính 400.000 người.

### **d) Công trình phục vụ công tác thông tin, chỉ huy**

- Hệ thống thông tin liên lạc phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh bao gồm: Máy Fax, điện thoại cố định và di động, hệ thống email, các máy chuyên

dụng của lực lượng quân đội, công an, ngành viễn thông... Nói chung, hệ thống hoạt động tốt, chỉ có một số huyện hệ thống máy Fax hoạt động chưa ổn định;

- Hệ thống loa đài, phát thanh tại các xã, phường, thị trấn bán kính phủ sóng hạn chế, một số bị hư hỏng ảnh hưởng đến công tác thông tin, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa.

### **3. Phương tiện, vật tư phục vụ công tác phòng, chống thiên tai**

Phương tiện, trang thiết bị vật tư phục vụ công tác phòng, chống thiên tai phục vụ công tác phòng, tránh, ứng phó thiên tai hiện có chủ yếu gồm xe cứu hộ, ca nô, xuồng, nhà bạt, phao tròn, phao áo, phao bè cứu sinh... do Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp tỉnh, các sở, ban, ngành và cấp huyện quản lý.

*(Có phụ lục I chi tiết kèm theo)*

Tuy nhiên, do tính chất phức tạp của các loại hình thiên tai có thể xảy ra trong thời gian tới. Việc cần nâng cấp, trang bị thêm các trang thiết bị, phương tiện hiện đại là rất cần thiết.

### **4. Nguồn lực tài chính dự phòng**

- Ngân sách tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố đều có quỹ dự phòng cho các tình huống khẩn cấp. Hàng năm, UBND tỉnh trích nguồn dự phòng để mua sắm vật tư phòng, chống thiên tai, khắc phục sự cố khẩn cấp các công trình, hậu quả thiên tai;

- Ngân sách các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương đầu tư, trang bị những điều kiện thiết yếu phục vụ công tác thông tin, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục sự cố theo phương châm “bốn tại chỗ”;

- Huy động nguồn lực khác: Kêu gọi, vận động nguồn lực hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai.

### **5. Hệ thống chỉ huy PCTT và TKCN các cấp và phân công nhiệm vụ**

Hệ thống Ban Chỉ huy PCTT và TKCN xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã và các sở, ban, ngành, đoàn thể đều thành lập Ban Chỉ huy PCTT và TKCN của đơn vị mình.

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Trong đó, Chủ tịch UBND tỉnh kiêm Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh phụ trách chung, trực tiếp chỉ huy công tác PCTT và TKCN trong tỉnh. Phó Chủ tịch UBND tỉnh kiêm Phó Trưởng ban thường trực giúp Trưởng ban giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách về PCTT và TKCN. Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh kiêm Phó trưởng ban phụ trách công tác cứu hộ, cứu nạn thiên tai, tổ chức tìm kiếm cứu nạn người, cứu hộ công trình và các phương tiện gặp sự cố do thiên tai. Sở

Nông nghiệp và PTNT là cơ quan thường trực của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Giám đốc sở Nông nghiệp và PTNT kiêm Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng, chống thiên tai, tổ chức công tác phòng tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

*(Có phụ lục II chi tiết kèm theo)*

#### **IV. Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của cộng đồng**

Mức độ nhận thức của cộng đồng về lĩnh vực phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh nhìn chung còn hạn chế, mặc dù hàng năm công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, diễn tập về phòng, chống thiên tai luôn được triển khai, nhưng do số lớp và số lượng người dân tham gia tập huấn, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai chưa nhiều, số cuộc diễn tập về công tác phòng, chống thiên tai còn hạn chế; đồng thời, do đặc thù của tỉnh ít bị ảnh hưởng bởi loại thiên tai có cường độ mạnh và phạm vi lớn, nên người dân còn chủ quan trong việc phòng ngừa, ứng phó thiên tai.

### **PHẦN III**

#### **KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

##### **A. Nội dung kế hoạch phòng, chống thiên tai**

##### **I. Tổ chức phòng ngừa**

##### **1. Giải pháp phi công trình**

##### **1.1. Xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật**

- Tổ chức triển khai thực hiện Luật Phòng, chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn; Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai năm đến 2020 trên địa tỉnh; chiến lược quốc gia về ứng phó biến đổi khí hậu; Kế hoạch thực hiện đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”;

- Ban hành các chính sách cứu trợ, phục hồi sản xuất và môi trường sau thiên tai và hỗ trợ những vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai như: Vùng ven sông suối, thấp trũng thường xuyên bị ngập, vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ quét và sạt lở đất, sạt lở bờ vớ sông;

- Ban hành hướng dẫn kỹ thuật xây dựng công trình trong các vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai;

- Hàng năm ban hành Chỉ thị về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh và các văn bản chỉ đạo về công tác chống thiên tai;

- Ban hành đơn giá phục vụ công tác thống kê, tổng hợp thiệt hại do thiên

tai gây ra trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để xác định giá trị thiệt hại;

- Ban hành văn bản chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội có lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai.

### 1.2. Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy

- Kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN ở các cấp, các ngành. Nghiên cứu xây dựng cơ cấu, tổ chức của bộ máy và cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp theo quy định của Chính phủ;

- Chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Nâng cấp các trụ sở làm việc và đầu tư trang thiết bị và công nghệ bảo đảm điều kiện làm việc cho Văn phòng thường trực phòng, chống thiên tai ở các cấp tỉnh, huyện, xã;

- Thành lập các tổ, đội xung kích PCTT và TKCN từ cấp huyện đến cấp xã, khu dân cư và ở các doanh nghiệp để chủ động triển khai các hoạt động phòng ngừa ứng phó với thiên tai.

### 1.3. Xác định các khu vực nguy hiểm

- Tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá hiện trạng công trình liên quan đến phòng, chống thiên tai, lụt, bão như đê điều, hồ đập, công trình phục vụ sơ tán dân và hệ thống điện, thông tin liên lạc, trường học, trạm y tế, các tuyến đường giao thông trọng điểm, cứu hộ, cứu nạn, phương tiện, vật tư dự phòng để chủ động ứng phó khi có sự cố...; tổ chức khơi thông, giải phóng các vật cản trên các sông suối, ngòi đảm bảo thoát lũ; bố trí lực lượng thường xuyên kiểm tra công trình trước, sau lũ và tuần tra canh gác trong khi mưa lũ; chuẩn bị vật tư tại chỗ, bố trí lực lượng sẵn sàng huy động hộ đê, đập, giúp dân vùng hạ du sơ tán khi cần thiết;

- Xác định rõ các khu vực trọng điểm xung yếu, nguy hiểm, đặc biệt cần lưu ý các khu vực có dân cư sinh sống ven sông, suối, ngòi, hạ lưu các hồ chứa; các công trình phòng chống lũ như đê điều, hồ đập, cống dưới đê, các vị trí tuyến đê có cao trình chưa đảm bảo thiết kế, các khu bờ vỡ sông có nguy cơ bị sạt lở... lập kế hoạch, phương án cụ thể đảm bảo an toàn tuyệt đối với các hồ chứa và công trình phòng chống lũ.

### 1.4. Xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai

- Điều chỉnh quy hoạch phòng chống lũ các tuyến sông có đê; rà soát, bổ sung quy hoạch dân cư vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, vùng lũ quét, trượt lở đất vào Quy hoạch bố trí sắp xếp dân cư vùng đặc biệt khó khăn, vùng bảo vệ nghiêm ngặt trên địa bàn tỉnh, quy hoạch xây dựng ở những khu vực chịu ảnh hưởng bởi thiên tai;

- Xây dựng, phê duyệt kế hoạch phòng chống thiên tai chu kỳ 5 năm, các

phương án ứng phó phù hợp với từng loại thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai cụ thể của địa phương, đơn vị theo quy định của Luật Phòng chống thiên tai; hàng năm, rà soát, bổ sung cho phù hợp; xây dựng các phương án phòng, chống thiên tai cho tất cả các công trình, khu vực xung yếu, đồng thời phải gắn với phương án sơ tán dân, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai; xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc. Hàng năm, rà soát, bổ sung kế hoạch, các phương án cho phù hợp với tình hình địa phương.

- Điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch: Chương trình nâng cấp hồ chứa; Chương trình chống hạn; chương trình nâng cấp đê sông; nâng cấp các trạm khí tượng thủy văn phục vụ dự báo thiên tai; kế hoạch bổ sung các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn như: Thuyền, xuồng, phao cứu sinh, nhà bạt, áo phao..., thiết bị thông tin liên lạc và cảnh báo thiên tai;

- Lập bản đồ vùng có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất, tai biến địa chất; lập quy hoạch dân cư, chủ động di dời dân ra khỏi vùng nguy hiểm; quy hoạch sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng; trồng và khai thác rừng hợp lý;

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ hàng năm; trong đó, cần lập kế hoạch quản lý, đầu tư trang bị bổ sung các phương tiện, trang thiết bị hiện đại, đủ công năng, công suất đáp ứng yêu cầu tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai hàng năm;

- Triển khai thực hiện Phương án phòng, chống lũ sau đập thủy điện Thác Bà, phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão và lũ quét, sạt lở đất và kế hoạch ứng phó sự cố thiên tai được UBND tỉnh phê duyệt;

- Xây dựng kế hoạch giải ngân nguồn kinh phí hỗ trợ chống hạn do Trung ương cấp bổ sung hàng năm.

1.5. Nâng cao năng lực quản lý phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn và ứng dụng khoa học công nghệ

- Tăng cường công tác tuyên truyền, cảnh báo thiên tai và đảm bảo thông tin chỉ đạo của các cấp chính quyền đến từng khu dân cư, thôn, bản và người dân, đặc biệt người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi để người dân sẵn sàng ứng phó các tình huống thiên tai bất thường, cực đoan;

- Tổ chức phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai trong cán bộ và nhân dân bằng nhiều hình thức như: Phát tin trên truyền hình, truyền thanh, báo chí, phát tờ rơi, biểu ngữ, tập huấn, diễn tập nhằm từng bước nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của nhân dân, các cấp, các ngành và cộng đồng trong công tác phòng, chống thiên tai và khả năng chuẩn bị, ứng phó, phục hồi của cộng đồng trước, trong và sau thiên tai;

- Tổ chức tập huấn, diễn tập kỹ năng phòng chống thiên tai cho các đối tượng trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai. Nâng cao năng lực, kỹ năng phòng, chống thiên tai, sơ tán dân, cứu hộ, cứu nạn cho các lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách và lực lượng nhân dân địa phương; nâng cao khả năng ứng cứu tại chỗ cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng, đặc biệt là vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa;

- Tổ chức lực lượng ứng phó tự nguyện của cộng đồng để tham gia cứu hộ, cứu nạn. Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể xã hội trong các hoạt động chuẩn bị ứng phó, khắc phục hậu quả. Phát triển lực lượng tình nguyện viên trong công tác tuyên truyền, vận động, khắc phục hậu quả, phục hồi sản xuất...;

- Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác phòng chống thiên tai của các địa phương; đặc biệt đào tạo, tập huấn cho các đối tượng trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai. Đào tạo tập huấn về thiên tai và biện pháp phòng, chống thiên tai cho cộng đồng vùng thường xuyên ảnh hưởng bởi thiên tai;

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện di dời các hộ dân tại các khu vực xung yếu, trong đó tập trung tổ chức di dời trước đối với những hộ dân đang sinh sống trong khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng của thiên tai đã được cảnh báo;

- Có chính sách đầu tư, khuyến khích các hoạt động khoa học công nghệ và ứng dụng khoa học về phòng chống thiên tai; đầu tư cho nghiên cứu và thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực cho lĩnh vực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai;

- Nghiên cứu xây dựng cơ cấu sản xuất và tuân thủ lịch thời vụ từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn.

#### 1.6. Nâng cao chất lượng thông tin, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các công trình, trang thiết bị thông tin - truyền thông, tổ chức lực lượng, phương tiện trang thiết bị và mạng thông tin chuyên dùng đảm bảo thông, tin liên lạc thông suốt và sẵn sàng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành PCTT và TKCN trong mọi tình huống;

- Phát triển hệ thống thông tin cảnh báo theo chiều từ cấp trên xuống cơ sở, khu dân cư và thu nhận các báo cáo từ dưới lên để người dân phòng tránh có hiệu quả và phục vụ chỉ đạo ứng phó, tổng hợp báo cáo kịp thời;

- Nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai. Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo sớm tại các địa phương thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai (vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị lũ quét, sạt lở đất) và bổ sung mạng lưới các trạm khí tượng, trạm đo mưa và trạm đo mực nước trên địa bàn tỉnh.



1.7. Triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016 - 2020 theo tiến độ kế hoạch đề ra (Kế hoạch số 4089/KH-UBND ngày 02/10/2015 của UBND tỉnh).

1.8. Hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác phòng, chống thiên tai năm trước và triển khai nhiệm vụ phòng chống thiên tai năm kế tiếp của các cấp, các ngành, địa phương; làm rõ nguyên nhân những mặt còn hạn chế, yếu kém để có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục; chú trọng nâng cao năng lực điều hành, chỉ huy, thực hiện các biện pháp phòng, chống, ứng phó thiên tai ngay tại cơ sở nhất là các địa bàn xung yếu.

1.9. Tổ chức thường trực, trực ban PCTT và TKCN tại Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, các ngành; theo dõi, tiếp nhận các văn bản, công điện chỉ đạo của cấp trên, các thông tin dự báo, cảnh báo thời tiết nguy hiểm, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai, kịp thời báo cáo các ngành, các cấp liên quan để chỉ đạo ứng phó và phát tin kịp thời, rộng rãi đến tận người dân. Thời gian trực cụ thể như sau:

- Chế độ trực 24/24 giờ từ ngày 05 tháng 5 đến ngày 30 tháng 11 hàng năm;

- Chế độ trực 12/24 giờ (7 giờ 30 đến 21 giờ) từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 04 tháng 5 và tháng 12 hàng năm. Trong thời gian này, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện chủ động quyết định về việc trực, điều chỉnh chế độ trực tùy theo tình hình thiên tai tại địa phương;

- Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, báo cáo đột xuất theo quy định về Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

1.10. Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực đê điều, phòng chống thiên tai, lấn chiếm hành lang bảo vệ bờ và lòng sông; tình trạng xây dựng, san lấp mặt bằng trái phép gây tắc nghẽn dòng chảy sông suối, kênh mương...

1.11. Huy động mọi nguồn lực tài chính tạo Quỹ Phòng, chống thiên tai cho công tác PCTT và TKCN, đặc biệt để giải quyết cấp bách và kịp thời các sự cố thiên tai. Thực hiện xã hội hóa, phát huy tốt phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, phát huy tinh thần trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với xã hội trong công tác PCTT và TKCN. Các nguồn lực tài chính phải sử dụng hiệu quả, kịp thời, đúng quy định.

*(Có phụ lục III, IV chi tiết kèm theo)*

## **2. Giải pháp công trình**

- Xây dựng, củng cố và nâng cấp hệ thống đê sông ở mức thiết kế phù

hợp, kết hợp sử dụng đa mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng các công trình phòng chống sạt lở bờ, vỡ sông và duy tu, sửa chữa, tu bổ các công trình đê điều, bao gồm các công trình:

+ Hoàn chỉnh các dự án: Cải tạo thân đê và cứng hóa mặt đê đoạn km99+950 - km105+00 đê tả sông Thao và đoạn km70+300 - km72+00 đê hữu sông Lô; nâng cấp hệ thống đê tả, hữu ngòi Cỏ kết hợp làm đường sơ tán dân, huyện Cẩm Khê; Cải tạo, gia cố và nâng cấp đường Âu Cơ (giai đoạn I); Đắp tôn cao, mở rộng và cứng hoá mặt đê đoạn km0 - km17 đê tả sông Thao, huyện Hạ Hoà; Cải tạo, nâng cấp và gia cố tuyến đê tả sông Thao kết hợp đường giao thông đoạn km64 - km80 từ thị xã Phú Thọ đến cầu Phong Châu (Giai đoạn I: Đoạn km64 - km75 và tuyến nhánh đê tả ngòi Lò Lợn);

+ Xử lý đột xuất các sự cố sạt lở bờ, vỡ sông tuyến đê tả, hữu sông Lô; tả, hữu sông Thao và tả Đà. Chống sạt lở bờ, vỡ sông đoạn km5+500 - km7+500 đê tả sông Thao, xã Đan Thượng, huyện Hạ Hòa; dự án cấp bách xung yếu đê điều tỉnh Phú Thọ; duy tu bảo dưỡng đê điều tỉnh Phú Thọ; tu bổ đê địa phương tỉnh Phú Thọ; cải tạo, sửa chữa, nâng cấp kè tỉnh Phú Thọ; xử lý sạt lở bờ, vỡ sông đoạn từ km20+420 - km21+400 và đoạn từ km21+950 - km22+940 đê tả sông Đà, huyện Thanh Thủy; xử lý sạt lở bờ, vỡ sông đoạn từ km29+00 - km30+00 đê tả sông Đà, huyện Thanh Thủy;

+ Nguồn vốn dự kiến: 1.258,142 tỷ đồng.

- Xây dựng các công trình thủy lợi, hồ chứa nước đảm bảo cho nhu cầu tưới, tiêu, phát triển kinh tế - xã hội, tham gia cắt lũ và phục vụ các công tác phòng, chống thiên tai, bao gồm các công trình:

+ Các công trình thủy lợi gồm: Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu ngòi Trang, ngòi Hiêng, huyện Hạ Hòa; dự án thành phần cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ, thuộc dự án cải thiện nông nghiệp có tưới WB7 (trong đó có trạm bơm tiêu Đoan Hạ và trạm bơm tiêu Đậu Dương); trạm bơm tiêu cho các xã Sai Nga, Sơn Nga, Thanh Nga, Xương Thịnh và thị trấn sông Thao, huyện Cẩm Khê; dự án trạm bơm tiêu Sơn Tình, huyện Cẩm Khê (giai đoạn I: Xây dựng khu đầu mối trạm bơm và đoạn kênh tiêu từ km0 đến km9+400); dự án hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ;

+ Các công trình hồ đập gồm: Dự án thành phần sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Phú Thọ, thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) và dự án xây dựng hồ Ngòi Giành, thuộc huyện Cẩm Khê;

+ Nguồn vốn dự kiến: 2.104,381 tỷ đồng.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thành các khu tái định cư phục vụ việc di dời nhân dân ra khỏi vùng bị ảnh hưởng thiên tai, bố trí sắp xếp ổn định đời sống

dân cư bao gồm: Khu tái định cư cho các hộ bị sạt lún đất, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba; khu tái định cư cho các hộ vùng sạt lở, vùng xung yếu của rừng phòng hộ và hộ di cư tự do tại xã Tân Phú, huyện Tân Sơn; khu tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng lũ quét, sạt lở đất xã Trung Sơn, huyện Yên Lập; khu tái định cư vùng lũ quét các xã Mỹ Lung - Mỹ Lương, huyện Yên Lập. Nguồn vốn còn thiếu: 38,333 tỷ đồng;

- Tổng số nguồn vốn dự kiến đầu tư cho các công trình phục vụ phòng, chống thiên tai giai đoạn 2016 - 2020 là 3.400,856 tỷ đồng.

*(Có phụ lục V chi tiết kèm theo)*

## **II. Tổ chức ứng phó thiên tai**

Căn cứ vào diễn biến của thiên tai, UBND các cấp, các ngành triển khai thực hiện:

- Các cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường đưa tin về thiên tai cho chính quyền các cấp và nhân dân biết để chủ động phòng tránh, ứng phó; truyền, phát và phổ biến kịp thời các văn bản chỉ đạo chỉ huy ứng phó đến các cấp, các ngành và cộng đồng, người dân theo đúng quy định;

- Căn cứ các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai, diễn biến thiên tai, UBND, ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp có trách nhiệm lựa chọn phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện ứng phó phù hợp với diễn biến thiên tai và điều kiện thực tế của địa phương; chỉ đạo tổng hợp và báo cáo kịp thời tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra;

- Tổ chức lực lượng sơ tán, di dời nhân dân ra khỏi khu vực nguy hiểm; thực hiện cứu hộ, tìm kiếm cứu nạn trong thiên tai, đảm bảo an ninh trật tự; triển khai đảm bảo về y tế, lương thực, nước sạch và thoát nước đô thị...

## **III. Tổ chức khắc phục hậu quả thiên tai**

- Tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm cần thiết và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân;

- Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu cần cứu trợ. Hỗ trợ phục hồi sản xuất, thực hiện vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh. Đề xuất phương án khắc phục hậu quả, kế hoạch khôi phục cơ sở hạ tầng, sản xuất, sửa chữa nâng cấp công trình phòng chống thiên tai và ổn định đời sống nhân dân;

- UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn theo quy định tại khoản 1, Điều 30 Luật Phòng, chống thiên tai;

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm chủ động khắc phục hậu quả thiên tai đối với cơ sở hạ tầng, tài sản thuộc phạm vi quản lý; tham gia hỗ trợ

hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền;

- Khuyến khích các tổ chức cá nhân trong tỉnh, ngoài tỉnh và ngoài nước có các hình thức hỗ trợ đa dạng, hiệu quả cho người dân và địa phương bị thiên tai.

#### **IV. Các biện pháp cơ bản ứng phó với thiên tai**

Trên cơ sở các cấp độ rủi ro thiên tai của từng loại thiên tai do các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai cung cấp, triển khai các biện pháp ứng phó cụ thể như sau:

##### **1. Biện pháp cơ bản ứng phó đối với bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy được quy định như sau:**

a) Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp;

b) Di chuyển tàu thuyền, phương tiện nuôi trồng thủy sản trên sông ra khỏi khu vực nguy hiểm, thực hiện biện pháp khác để bảo đảm an toàn;

c) Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng;

d) Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất;

đ) Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng;

e) Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, khu vực và tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy và khu vực nguy hiểm khác;

g) Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai;

h) Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán;

i) Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;

k) Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

## **2. Ứng phó đối với hạn hán được quy định như sau**

- a) Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán;
- b) Vận hành hợp lý hồ chứa nước, công trình cấp nước, ưu tiên cấp nước sinh hoạt; sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước;
- c) Ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm;
- d) Tổ chức điều hành đóng mở công lấy nước phù hợp với tình huống cụ thể.

## **3. Biện pháp cơ bản ứng phó đối với sương muối, rét hại được quy định như sau**

- a) Triển khai biện pháp chống rét cho người, đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương;
- b) Triển khai chống rét và bảo đảm nguồn thức ăn cho gia súc;
- c) Triển khai biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp.

## **4. Đối với nắng nóng, lốc, sét, mưa đá và các loại thiên tai khác thì căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, chủ động triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống cụ thể**

- a) Biện pháp ứng phó với giông, lốc, mưa đá
  - Rà soát, cảnh báo đến từng hộ gia đình tại các điểm dân cư nằm trong khu vực nguy hiểm để có phương án sẵn sàng di chuyển đến nơi an toàn;
  - Chủ động chằng, chống nhà cửa, vật kiến trúc, kho tàng... đảm bảo đủ sức chống đỡ khi có lốc xoáy, mưa đá và thiên tai xảy ra;
  - Tổ chức cứu hộ, cứu nạn, cứu chữa người bị thương.
- b) Biện pháp ứng phó với sét đánh
  - Khi mưa lớn kèm theo có giông sét, không nên đứng dưới gốc cây, ống khói, đụn rơm, anten truyền hình, gần các vật kim loại, không chạm tay vào các vật ẩm ướt, vật dẫn điện; Tháo bỏ dây anten ra khỏi tivi, radio...;
  - Không đi dọc theo các bờ sông, bờ suối,...; không trú mưa ở những công trình, nhà cửa giữa cánh đồng; không sử dụng điện thoại; không dùng dây thép phơi áo quần buộc vào cột thu lôi, cây cao;
  - Bỏ các vật dụng mang bên mình như cuốc, xẻng, cần câu, gậy,...khi thấy có hiện tượng giông, sét có thể xảy ra;
  - Tổ chức cứu hộ, cứu nạn, cứu chữa người bị thương.

c) Biện pháp ứng phó với nắng nóng

- Chủ động các biện pháp phòng chống nắng nóng cho người (đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương) và gia súc, gia cầm; hạn chế ra ngoài cũng như chăn thả gia súc, gia cầm ngoài trời trong thời gian nắng nóng cao điểm từ 10 giờ đến 16 giờ; vệ sinh môi trường và phun thuốc khử trùng, phòng bệnh cho người và vật nuôi;

- Đảm bảo chuẩn bị đủ nguồn thức ăn, nước uống hợp vệ sinh.

**V. Trách nhiệm phối hợp trong ứng phó thiên tai phù hợp với các cấp độ rủi ro thiên tai**

Theo quy định tại Mục 2 Nghị định 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014, cụ thể như sau:

**1. Ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 1:** Gồm các thiên tai do lốc, sét, mưa đá, mưa lớn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, sương muối, sương mù, lũ, ngập lụt, lũ quét; do sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng chống thiên tai cấp trên;

b) Chủ tịch UBND cấp xã được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;

- Vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị, vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

c) Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn cấp xã phải phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc người được ủy quyền;

d) Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện hỗ trợ;

đ) Chủ tịch UBND, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND cấp xã; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan phòng chống thiên tai cấp trên;

e) Chủ tịch UBND cấp huyện được quyền huy động các nguồn lực sau để

ứng phó thiên tai:

- Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;
- Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp huyện và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

**2. Ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 2:** Gồm các thiên tai do lốc, sét, mưa đá, mưa lớn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, sương muối, lũ, ngập lụt, lũ quét; do sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy.

a) Chủ tịch UBND, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn;

b) Chủ tịch UBND tỉnh huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân, lực lượng tìm kiếm cứu nạn, lực lượng vũ trang địa phương và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;
- Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp tỉnh, vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai và của tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

c) Chủ tịch UBND, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại mục 1 nêu trên; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người;

d) Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch UBND, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

**3. Ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 3:** Gồm các thiên tai do áp thấp nhiệt đới, bão, mưa lớn, nắng nóng, hạn hán, lũ, ngập lụt, lũ quét

a) Chủ tịch UBND, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền, triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn;

b) Chủ tịch UBND, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm c, mục 2 nêu trên phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

#### **4. Ứng phó thiên tai cấp độ 4**

Gồm các thiên tai do áp thấp nhiệt đới, bão, lũ, ngập lụt:

a) Chủ tịch UBND, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn;

b) Chủ tịch UBND, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện và cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm c, mục 2 nêu trên phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

#### **B. Phương pháp, cách thức lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội**

Căn cứ Kế hoạch Phòng chống thiên tai giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND cấp huyện, cấp xã tiến hành rà soát lồng ghép các nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch kế hoạch phát triển của các cấp, ngành, đơn vị, cụ thể như sau:

1. Phương pháp, cách thức nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thực hiện theo Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào Quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, tổng hợp, lồng ghép nội dung của kế hoạch phòng, chống thiên tai vào Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Hướng dẫn và triển khai thực hiện Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT đến các sở, ban, ngành, các cấp và các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3. Các ban, ngành, đoàn thể, UBND cấp huyện, xã và các đơn vị có liên quan tổ chức rà soát bổ sung các nội dung phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch đã duyệt, lồng ghép nội dung phòng chống, thiên tai vào các quy hoạch mới, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, đơn vị.

4. Các Quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trước khi trình duyệt phải lấy ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nội dung lồng ghép phòng, chống thiên tai.

#### **C. Nguồn lực thực hiện, tiến độ hàng năm và 05 năm để thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai**

##### **1. Kế hoạch triển khai**

**Tổng kinh phí: 3.615,037 tỷ đồng, trong đó:**



- Kế hoạch triển khai các giải pháp phi công trình: 214,181 tỷ đồng;
- Kế hoạch triển khai các giải pháp công trình: 3.400,856 tỷ đồng.

*(Có phụ lục III, IV, V chi tiết kèm theo)*

## **2. Nguồn vốn thực hiện**

- Ngân sách trung ương và nguồn vốn ODA và các nguồn tài trợ khác cho các dự án phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai;
- Ngân sách tỉnh: UBND tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã huy động các nguồn vốn để thực hiện các nội dung của kế hoạch phòng, chống thiên tai;
- Nguồn vốn từ Quỹ phòng, chống thiên tai; các nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân; vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế;
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **3. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính**

- Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện xây dựng khái toán đề dự trù kinh phí cho các hoạt động phi công trình, công trình, dự trữ vật tư nguyên liệu, mua sắm trang thiết bị và các khoản chi tiêu cho hoạt động theo phương án PCTT và TKCN hàng năm;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất với UBND tỉnh về nguồn vốn thực hiện phương án PCTT và TKCN của các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện từng năm;
- Sở Tài chính cân đối các nguồn vốn, báo cáo UBND tỉnh xem xét, phân bổ kế hoạch vốn thực hiện phương án PCTT và TKCN của các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện hàng năm.

## **D. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai**

### **I. Trách nhiệm thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai**

#### **1. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh**

- Tham mưu cho UBND tỉnh quản lý hoạt động PCTT và TKCN, chỉ huy, điều hành trong phạm vi toàn tỉnh;
- Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo quy định tại Khoản 1 điều 43 của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Chỉ huy ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trong thiên tai trên địa bàn tỉnh; tham mưu các giải pháp công trình và phi công trình trong công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả do thiên tai;
- Chủ trì thực hiện các chương trình, kế hoạch, phương án phòng, chống, ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt;

- Kiểm tra đôn đốc các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, thị xã thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai đã được phê duyệt;

- Tổ chức trực ban, kịp thời thông tin, cảnh báo cho các sở, ban, ngành, đơn vị, các huyện, thành phố, thị xã để triển khai các biện pháp phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

## **2. Các sở, ban, ngành và địa phương**

Trên cơ sở thẩm quyền và nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ động tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai theo thẩm quyền.

### **2.1. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh**

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương, đơn vị xây dựng lực lượng tại chỗ, trang bị phương tiện, thiết bị, công cụ, tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập, hướng dẫn kỹ năng để ứng phó cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả các tình huống sự cố, thiên tai;

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tổ chức tập kết, quản lý sử dụng các phương tiện, trang thiết bị để tham gia kịp thời, có hiệu quả công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra thiên tai; đặc biệt là tại các khu vực xung yếu (ven sông, vùng trũng thấp, vùng có nguy cơ bị lũ quét, sạt lở đất...). Sẵn sàng phối hợp với các đơn vị, hỗ trợ, chi viện cho các huyện, thành phố, thị xã ngay khi có yêu cầu;

- Hàng năm, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh xây dựng các Phương án tìm kiếm cứu nạn; Công An tỉnh xây dựng phương án đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội khi có thiên tai trên địa bàn tỉnh.

### **2.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp tỉnh;

- Tổ chức lập kế hoạch sản xuất nông nghiệp để hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra và bảo đảm phát triển bền vững; quản lý việc đầu tư xây dựng, tu bổ, bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai, bao gồm công trình đê điều, hồ đập, chống úng, chống hạn, chống sạt lở và công trình khác phục vụ phòng, chống thiên tai;

- Tổ chức thống kê, xử lý thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý Nhà nước về phòng, chống thiên tai; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người làm công tác phòng, chống thiên tai.

### **2.3. Sở Giao thông vận tải**

- Lập kế hoạch và chỉ đạo thực hiện về phát triển giao thông vận tải phù hợp với chiến lược và kế hoạch phòng, chống thiên tai;

- Chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật tư cứu hộ giao thông, bảo đảm an toàn giao thông vận tải khi thiên tai xảy ra;

- Xây dựng phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn của ngành.

#### 2.4. Sở Xây dựng

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm an toàn cho công trình xây dựng phù hợp với pháp luật về phòng, chống thiên tai; chủ trì, phối hợp và hướng dẫn các địa phương thực hiện quy hoạch xây dựng, bảo đảm an toàn công trình trước thiên tai;

- Hướng dẫn thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn của công trình phù hợp với thiên tai; phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương kiểm tra các nhà, xưởng, công trình, các công trường đang thi công (nhất là vấn đề an toàn đối với giàn dáo, cần cẩu...) không bảo đảm an toàn khi xảy ra thiên tai. Cảnh báo các chủ đầu tư có công trình ngầm, chuẩn bị và thực hiện tốt nhất phương án chống ngập khi mưa bão;

- Trước mùa mưa bão hàng năm, chỉ đạo các cơ quan liên quan tổ chức phân loại nhà, công trình theo hướng dẫn tại văn bản số 1145/BXD-KHCN ngày 28/5/2015 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp bão. Xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo an toàn với các nhà cao tầng, nhà chung cư đã xuống cấp, công trình công cộng cũ, nhà yếu theo đúng Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 15/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

#### 2.5. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

- Cân đối, bố trí vốn đầu tư cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện triển khai thực hiện kịp tiến độ, đạt hiệu quả;

- Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

#### 2.6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Sở Công thương, Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chỉ đạo thực hiện việc bảo đảm an toàn các khu vực khai thác khoáng sản, an toàn về nguồn điện và đường dây tải điện và các cơ sở công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Có kế hoạch đảm bảo dự trữ và chuẩn bị vật tư, thuốc men, nhiên liệu, hàng hóa, lương thực, thực phẩm và kinh phí cần thiết để đảm bảo điều kiện sinh

hoạt, đời sống, hỗ trợ cứu tế cho nhân dân, xử lý vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh và an toàn cộng đồng trong vùng xảy ra thiên tai, đặc biệt chú trọng các vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị thiên tai; phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thực hiện tốt việc dự phòng tại chỗ; chỉ đạo việc cấp cứu nạn nhân, phòng, chống bệnh dịch trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra;

- Đề xuất chính sách hỗ trợ cho các địa phương bị thiệt hại do thiên tai để sớm ổn định đời sống nhân dân vùng thiên tai trình UBND tỉnh quyết định;

- Hướng dẫn cho cán bộ y tế và cộng đồng về kỹ thuật cấp cứu thông thường, biện pháp vệ sinh môi trường; hướng dẫn việc lồng ghép giới trong các hoạt động phòng, chống thiên tai.

### 2.7. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo thực hiện lồng ghép kiến thức phòng, chống thiên tai vào chương trình các cấp;

- Lập quy hoạch xây dựng các trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo kết hợp phòng, chống thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của từng vùng, địa phương để bảo đảm an toàn.

### 2.8. Sở Thông tin và Truyền thông

- Lập kế hoạch và chỉ đạo thực hiện việc bảo đảm an toàn, thông suốt cho mạng thông tin chung; chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn xây dựng kế hoạch, chuẩn bị dự phòng trang thiết bị thông tin chuyên dùng phục vụ phòng, chống thiên tai trong mọi tình huống thiên tai xảy ra;

- Phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, các doanh nghiệp viễn thông triển khai, tổ chức thực hiện nhắn tin cảnh báo thiên tai qua điện thoại di động cho nhân dân biết và chủ động tránh trú an toàn;

- Lập kế hoạch và đề xuất thiết lập hệ thống thông tin dự phòng sử dụng công nghệ thông tin vệ tinh Inmarsat phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy, điều hành, xử lý kịp thời các tình huống khẩn cấp do thiên tai làm tê liệt hệ thống thông tin liên lạc hiện hữu.

### 2.9. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Phú Thọ, các cơ quan thông tấn báo chí của tỉnh

- Thực hiện chế độ phát tin cảnh báo, thông báo, truyền tin khi xảy ra thiên tai theo quy định;

- Xây dựng kế hoạch hợp tác với Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để thực hiện các chương trình chuyên đề về phòng, chống, ứng phó thiên tai.

## 3. UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai, các văn bản hướng dẫn thực hiện và kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh;

- Xây dựng, phê duyệt và chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp xã thực hiện xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai, các phương án ứng phó phù hợp với các loại hình thiên tai tại địa phương; tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai trên địa bàn;

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn quản lý; chuẩn bị lực lượng, phương tiện vật tư, trang thiết bị sẵn sàng để ứng cứu kịp thời khi thiên tai xảy ra nhằm giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất;

- Tổ chức thu Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn quản lý đảm bảo theo kế hoạch giao và chuyển về tài khoản Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh theo quy định;

- Chủ động huy động nguồn lực và lồng ghép các hoạt động phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Hàng năm, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố, thị xã thống kê, lập dự toán kinh phí đầu tư, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể, tổ chức kinh tế - xã hội, đơn vị cá nhân có liên quan**

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao kiến thức, hiểu biết và kinh nghiệm nâng cao năng lực cộng đồng phòng ngừa thiên tai; tổ chức các đội thanh niên tình nguyện, xung kích, vận động đoàn viên, hội viên ứng cứu công trình, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai. Vận động, tiếp nhận, phân phối và quản lý, sử dụng các nguồn cứu trợ, đóng góp tự nguyện để hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả do thiên tai;

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế - xã hội đóng trên địa bàn tỉnh và mỗi công dân: Triển khai thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn thực hiện; chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai theo trách nhiệm và phạm vi quản lý, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư để chủ động tham gia ứng cứu khi có lệnh của UBND và Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp.

## **II. Công tác giám sát và chế độ báo cáo**

## 1. Công tác giám sát

- Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các huyện, thành phố, thị xã phân công cán bộ chuyên trách giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch PCTT và TKCN hàng năm để làm căn cứ điều chỉnh Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp tỉnh;

- Trên cơ sở thông tin thu thập được từ báo cáo đánh giá của các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương, UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh sẽ rà soát nội dung, tiến độ của kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2016 - 2020, tiến hành điều chỉnh, bổ sung hàng năm phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh;

## 2. Báo cáo đột xuất

Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện khi triển khai các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch gặp khó khăn về nhân lực, tài chính hoặc gặp sự cố ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản cần báo cáo đột xuất về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để kịp thời xử lý. Trong báo cáo đột xuất nêu tóm tắt sự việc, những khó khăn trở ngại cần giải quyết.

## 3. Báo cáo định kỳ

- Báo cáo 6 tháng đầu năm: Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện thực hiện báo cáo định kỳ các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch của đơn vị, địa phương về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh trước ngày 30/6 hàng năm. Trong báo cáo định kỳ nêu rõ kết quả đạt được trong quá trình triển khai, những khó khăn và tồn tại cần giải quyết;

- Báo cáo năm: Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện thực hiện báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai của đơn vị, địa phương mình về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh trước ngày 31/12 hàng năm. Trong báo cáo năm nêu rõ tình hình thiên tai ở ngành, địa phương, ảnh hưởng của thiên tai đến lĩnh vực quản lý của các sở, ban, ngành, địa phương; công tác triển khai các hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch; những thuận lợi, khó khăn bài học kinh nghiệm và những kiến nghị cần quan tâm, giải quyết;

- Trên cơ sở báo cáo của các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện, Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh hàng năm.

3. Giao Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tổ chức kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện, các đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch này; hàng năm tổ chức rà soát, cập nhật bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực

tế và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định

Trên đây là Kế hoạch phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016 - 2020. Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã nghiêm túc triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN và PTNT (b/c);
- Ban Chỉ đạo TW về PCTT (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Cục PCTT;
- Chi cục Đê điều và PCLB tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT, KT5<sub>(02b)(V-75b)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Hải**